

NHỮNG CỐ GẮNG TRONG NÔNG NGHIỆP HẢI HƯNG THỜI GIAN QUA VÀ BIỆN PHÁP THỜI GIAN TỚI

NGUYỄN PHÙNG

MẤY năm qua (1976-1979), mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng sản xuất nông nghiệp tỉnh Hải Hưng vẫn không ngừng phát triển.

Cụ thể là:

+ Diện tích gieo trồng tăng lên không ngừng:

Năm	Diện tích gieo trồng (héc ta)	Tỷ lệ tăng so với năm trước
1976	271 831	101, 2%
1977	282 903	104, 5%
1978	294 372	104, 1%
1979	312 610	106, 1%

+ Diện tích cây lương thực và diện tích cây vụ đông tăng với nhịp độ nhanh:

Năm	Diện tích cây lương thực (ha)	Diện tích vụ đông (ha)	Tỷ lệ diện tích vụ đông (%)
1976-77	243 496	21 098	14, 19
1977-78	248 438	32 980	22, 14
1978-79	268 601	44 444	29, 90
1979-80	281 679	63 030	42, 40

+ Năng suất và sản lượng lúa tương đối ổn định và vẫn giữ vững 5 tấn thóc/ha.

Năm	Năng suất lúa cả năm (tạ/ha)	Sản lượng lúa (tấn)
1976	58, 12	671 739
1977	50, 00	586 771
1978	54, 52	634 261
1979	53, 13	614 531

+ Năng suất, và sản lượng lúa vụ mùa có xu thế ngày càng tăng lên rõ rệt:

Năm	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1976	123 727	26, 98	333 828
1977	123 279	27, 22	335 583
1978	119 715	27, 59	330 327
1979	120 430	27, 96	336 722

+ Sản lượng màu (quy thóc) và giá trị sản lượng cây vụ đông tăng nhanh:

Năm	Sản lượng màu quy thóc (tấn)	Giá trị sản lượng cây vụ đông (triệu đồng)
1972-1973	12 587	20, 3
1976-1977	38 780	63, 6
1977-1978	73 933	126, 9
1978-1979	105 000	141, 1
1979-1980	160 000	400, 0

+ Chăn nuôi có xu thế phát triển tốt:

Năm	Tổng đàn lợn đến 1/10 (con)
1976	530 409
1977	462 995
1978	490 415
1979	511 010

Kết quả sản xuất nông nghiệp trong những năm qua cho phép chúng tôi có một vài nhận xét sơ bộ như sau:

1. Xác định phương hướng sản xuất đúng.

Phương hướng đó là: thâm canh 2 vụ lúa, coi trọng tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng và phát triển mạnh vụ đông; giải quyết tốt lương thực cho người, thức ăn gia súc; tăng khối lượng nông sản hàng hóa, nông sản xuất khẩu.

Trên cơ sở xác định đúng phương hướng sản xuất chúng tôi đã bố trí cơ cấu cây trồng cả năm và từng vụ, bố trí các công thức luân canh ở từng vùng, cơ cấu giống từng vụ một cách khoa học.

2. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, nhất là xây dựng hệ thống thủy lợi, thủy nông, cơ giới hóa nông nghiệp. Hải Hưng đã xây dựng một mạng lưới trạm bơm điện để chống úng trong mùa mưa từ 248 trạm năm 1975, lên 272 trạm năm 1977.

310 trạm năm 1979; cụm thủy nông cầu Ghề là điển hình tiên tiến trong ngành thủy lợi, đang phát huy tác dụng trong tỉnh và cả nước. Số đầu máy kéo từ 481 (năm 1976) tăng lên 684 năm 1979), với 10 trạm máy kéo ở các vùng, đưa tỷ lệ cơ giới hóa làm đất từ 20,8 (năm 1975) lên 32,8% (năm 1977) và 40% (năm 1979), trong số đó, cơ giới hóa làm đất vụ đông từ 10% diện tích (vụ đông 1977 - 1978) lên 35% (vụ đông 1979 - 1980). Đồng thời, Hải Hưng đã làm khá tốt công việc cải tạo đồng ruộng, trước hết là cải tạo mặt bằng, xây dựng bờ vùng bờ thửa, giải quyết triệt để tình trạng « bờ công ruộng méo », tạo điều kiện cho công tác tưới tiêu chủ động và đưa nhanh cơ giới vào đồng ruộng. Chúng tôi cũng đã căn bản hoàn thành việc thau chua, rửa mặn, chống lầy thụt ở các vùng chuyên canh, nâng dần độ phì của đất đai, mở đường cho việc đưa nhanh các giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao vào các vùng và các vụ sản xuất.

Hải Hưng cũng đã cải tạo giống gia súc, xây dựng hệ thống trại giống lúa, lợn; xây dựng xí nghiệp thức ăn gia súc; dành đất sản xuất thức ăn gia súc và xây dựng chuồng trại đơn giản để chăn nuôi gia súc ở phần lớn các HTX nông nghiệp; đồng thời, đào tạo hàng loạt công nhân kỹ thuật cho các ngành cơ khí nông nghiệp, thủy lợi...

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật chủ yếu ấy đã và đang phát huy tác dụng tích cực trong nhiều lĩnh vực của nông nghiệp, trong nhiều tình huống thời tiết, làm cơ sở vững chắc cho nông nghiệp đi lên. Tình trạng « chiêm khô mùa thối » trước kia đã từng bước nhường chỗ cho « chiêm ăn chắc, mùa bắp bệnh », rồi đến « chiêm ăn chắc, mùa cũng chắc » - chiêm hơn mùa, và tới nay mùa, đang đi lên vững chắc. Trong chăn nuôi, đàn lợn đang có xu thế đi lên, đàn lợn tập thể tăng nhanh và đàn lợn lai tăng mạnh. Công tác phòng, chống được dịch bệnh, nhất là chống toi gà, Hải Hưng làm khá tốt. Cơ sở vật chất kỹ thuật ấy sẽ phát huy tác dụng tích cực hơn nữa trong những năm tới và là tiền đề vật chất đảm bảo thâm canh tăng năng suất hai vụ lúa và mở rộng diện tích vụ đông lên 70% diện tích canh tác, tạo điều kiện cho việc đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính.

3. Đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp theo hướng: vừa nghiên cứu thực nghiệm vừa tổng kết kinh nghiệm sản xuất, đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đại trà, là phương pháp chỉ đạo phổ biến ở tất cả các cấp từ tỉnh đến cơ sở sản xuất. Phương pháp đó đã giúp chúng tôi chỉ đạo thành công việc gieo trồng 2 vụ lúa ở một số ruộng đã tưới tiêu chủ động; mở rộng diện tích cây ăn vụ đông xuân; cây vắn rạ và làm

phân bón vụ mùa; đã chọn lọc được một số bộ giống lúa, vừa ngắn ngày (thích hợp với công thức luân canh tăng vụ từ 2 lên 3 - 4 vụ một năm), vừa có năng suất cao, làm cơ sở cho thâm canh tăng năng suất lúa mùa. Chúng tôi đã xác định được một tập đoàn cây vụ đông bao gồm: cây lương thực, cây thực phẩm, cây xuất khẩu, cây thức ăn gia súc và cây phân xanh... đồng thời xây dựng được lịch thời vụ thích hợp cho từng giống, từng vụ, đảm bảo cho các giống, các vụ đều phát huy hiệu quả cao nhất.

Trong công tác chăn nuôi đã từng bước giải quyết thức ăn cho đàn gia súc, phòng chống dịch bệnh, nhất là chống toi gà bằng Vắcxin Laxôta.

4. Chú ý đúng mức đến công tác củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp; trước hết là giữ vững hợp tác xã ở quy mô xã với diện tích canh tác trên dưới 300 ha. Từ đó ổn định tư tưởng cho cán bộ, xã viên; ổn định và nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ hợp tác xã; đẩy mạnh sản xuất, tránh được những xáo động không đáng có. Công tác quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, quản lý lao động, quản lý vật tư... đã được cải tiến rõ rệt.

Đó chính là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thắng lợi trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Hải Hưng mấy năm qua.

Tuy nhiên, trong chỉ đạo sản xuất nông nghiệp của Hải Hưng cũng còn những tồn tại, đáng chú ý là:

Mức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch so với Nghị quyết đại hội Đảng và kế hoạch Nhà nước đạt được còn thấp. Diện tích, năng suất, một số loại cây trồng, nhất là cây công nghiệp giảm so với mấy năm trước. Phong trào thâm canh chưa đều: năm 1979, toàn tỉnh còn 178 hợp tác xã chưa đạt 5 tấn thóc/ha (so với năm 1978 tăng hơn 25 hợp tác xã). Vụ đông mở ra rộng lớn nhưng vẫn còn một số hợp tác xã chuyển biến quá chậm. Toàn tỉnh còn 48 hợp tác xã (11,7% số hợp tác xã) diện tích vụ đông chỉ đạt 20% so với diện tích canh tác. Một số địa phương đã hình thành những vùng tập trung chuyên canh cây vụ đông (trên dưới 100 ha), nhưng chưa thành vùng tập trung chuyên canh lớn của huyện. Một số nơi còn để đất hoang hóa, chưa khai thác sử dụng hết diện tích bị úng trong vụ mùa. Phong trào làm phân còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu thâm canh các loại cây trồng và mở rộng diện tích vụ đông. Chất lượng giống cây trồng trong hợp tác xã chưa tốt, do chưa quan tâm chọn lọc và bảo quản giống. Việc quản lý kỹ thuật trong hợp tác xã chưa thật chặt chẽ nên tình trạng tùy tiện trong gieo trồng, trong thời vụ và trong quản lý chăm sóc cây

trồng còn kém, xuất hiện ở một số nơi. Việc thâm canh mạ xuân chưa tốt, lại không nghiêm túc bỏ trả mạ đầu, có hợp tác xã còn cấy mạ già ống. Đó là những nguyên nhân kỹ thuật quan trọng khiến vụ lúa xuân 1979 năng suất thu hoạch giảm sút nhiều.

Chăn nuôi cũng phát triển chưa đều, chăn nuôi gia đình phát triển chậm; trâu, bò, vịt mái dễ giảm, quy mô đàn lợn tập thể và tỷ trọng đàn lợn lai kinh tế vẫn còn thấp so với yêu cầu; giá thành chăn nuôi còn cao. Việc giành 15% đất chuyên sản xuất thức ăn cho chăn nuôi còn nhiều hợp tác xã chưa thực hiện nghiêm túc.

Công tác quản lý hợp tác xã chưa theo kịp yêu cầu phát triển sản xuất, nhất là quản lý lao động, quản lý vật tư và quản lý kỹ thuật các quy trình sản xuất, dẫn đến một số loại nông sản giá thành còn cao, năng suất lao động thấp v.v...

Trong thời gian tới, nhiệm vụ và biện pháp phát triển nông nghiệp Hải Hưng tập trung vào các vấn đề như sau:

— Về trồng trọt: Phân đấu đạt tổng diện tích gieo trồng cả năm 1980 là 328 000 ha, tăng 6,3% (so 1979), đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 2,2 lần.

— Lúa cả năm: 236 230 ha, năng suất bình quân 27,5 tạ/ha; tổng sản lượng thóc 65 vạn tấn (tăng 6,7% so 1979). Trong đó: lúa chiêm xuân 114 500 ha, năng suất 27 tạ/ha, sản lượng 30 vạn tấn; lúa mùa 121 700 ha, năng suất 28 tạ/ha, sản lượng 34,8 vạn tấn.

— Mạ cả năm: phân đấu gieo trồng cho được 54 000 ha, tăng 15,3% (so 1979), trong đó khoai tây 30 000 ha, năng suất 10 tấn/ha, sản lượng 35 vạn tấn; ngô 7 500 ha, năng suất 20 tạ/ha, sản lượng 15 000 tấn; khoai lang 15 000 ha, năng suất 66 tạ/ha, sản lượng 10,2 vạn tấn.

Tổng sản lượng lương thực quy thóc 80 vạn tấn, tăng 11,3% (so 1979), trong đó thóc 65 vạn tấn, mìn (quy thóc) 15 vạn tấn.

— Phân đấu đưa tổng diện tích các loại cây vụ đông lên 75 000 ha chiếm 50,4% diện tích canh tác, trong đó: khoai tây 34 000 ha, khoai lang 12 500 ha, ngô 3 500 ha, tỏi 2 300 ha, dưa hấu 1 000 ha, đậu tương 2 000 ha...

Để thực hiện các chỉ tiêu trên, cần chỉ đạo thực hiện tốt một số chủ trương biện pháp kỹ thuật chủ yếu:

1. Các huyện và các hợp tác xã tiến hành tổng kiểm tra lại toàn bộ khả năng diện tích đất đai nông nghiệp của địa phương mình, xác định rõ diện tích đất đai còn bỏ hoang hóa, đất kiến thiết cơ bản chưa dùng đến, có

kế hoạch đầu tư và tổ chức lao động khai phá đưa vào sử dụng để tăng thêm diện tích canh tác. Thực hiện tăng vụ trên ruộng mạ chuyên. Tích cực mở rộng diện tích làm 4 vụ/năm, để tăng nhanh diện tích gieo trồng và tăng tổng sản phẩm trồng trọt, không để một hợp tác xã nào còn có lý lẽ diện tích vụ đông thấp dưới 30%.

2. Tiếp tục làm tốt công tác cải tạo đồng ruộng, hoàn chỉnh thủy nông và thủy lợi, đặc biệt chú ý chống úng cho vụ mùa. Phân đấu cung cấp đủ nước cho vụ chiêm xuân, vụ đông; phát động mạnh mẽ phong trào thi đua với cụm thủy nông Cầu Khê. Hạn chế đến mức thấp nhất diện tích úng trong vụ mùa. Đưa diện tích tưới tiêu hợp lý trên 70% diện tích gieo trồng để phục vụ thâm canh. Quản lý lao động và khai thác tốt mọi công trình thủy nông đã có, khẩn trương xây dựng thêm những công trình mới và nhanh chóng đưa vào sử dụng theo hướng tự dân làm là chính.

3. Phát động phong trào toàn dân làm phân bón. Phát triển chăn nuôi, tăng thêm chất độn chuồng, tận dụng hết các nguồn phân bắc, nước giải ở các nơi công cộng, thực hiện chế biến phân trước khi đem bón để tăng thêm số lượng và chất lượng phân. Tích cực ương nhân bèo hoa dâu và lấy bùn trong vụ đông và chiêm xuân, gieo trồng diễn thành làm phân trong vụ mùa. Tổ chức tốt các đội chuyên sản xuất chế biến phân trong các HTX. Giao chỉ tiêu khối lượng từng loại phân phải đóng góp cho HTX của từng lao động, từng hộ xã viên trong từng vụ sản xuất, có chế độ công điểm, giá thu mua hợp lý để khuyến khích việc làm phân, giành đủ 5% sản lượng thóc chia ngày công để chia cho phân bón. Quản lý sử dụng hợp lý các loại phân hóa học do Nhà nước cung cấp.

4. củng cố và xây dựng tốt đội giống 4 chuyên trong tất cả các HTX, đảm bảo sản xuất đủ giống, giống có chất lượng tốt để đưa ra sản xuất đại trà; gieo cấy đúng cơ cấu mà tỉnh đã quy định cho từng vụ sản xuất, từng công thức luân canh và từng vùng chuyên canh.

5. Tiếp tục làm tốt việc quy vùng chuyên canh, thâm canh tập trung cho từng loại cây, từng hệ thống luân canh ở từng vùng, từng khu đồng để tiện quản lý chỉ đạo sản xuất, cải tạo đồng ruộng, tiện tưới tiêu và cơ giới hóa.

6. Tích cực mở rộng diện tích trà lúa sớm bằng các giống ngắn ngày như: Nông Nghiệp 1A, Cần Thơ 1 và Cần Thơ 2, Đồng Nai, Nông Nghiệp 75-6, đảm bảo từ 35% đến 40% diện tích vụ mùa sớm bằng giống 100 ngày trở lại, với phương thức gieo thẳng, để chủ động mở rộng diện tích vụ đông. Vụ chiêm xuân gieo

thăng 30% diện tích trở lên bằng các giống Trâu Chân lùn, NN1A, Cần Thơ, Đồng Nai và một phần NN8.

7. Tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp thâm canh khác như cây ải trên 90% diện tích vụ xuân, đưa diện tích làm đất bằng cơ giới lên 50% diện tích cả vụ. Gieo trồng đúng lịch thời vụ đã quy định. Phòng chống chủ động, kịp thời các loại sâu bệnh, không để dịch lây lan, làm ảnh hưởng đến năng suất, phẩm chất các loại cây trồng.

+ Tiếp tục phát triển chăn nuôi ở cả 3 khu vực; quốc doanh, tập thể và gia đình xã viên, bao gồm cả các loại gia súc lớn như trâu, bò, lợn và các loại gia cầm. Trong đó chú trọng phát triển nhanh đàn lợn, nhất là lợn tập thể trong các hợp tác xã.

Phấn đấu hết năm 1980, đàn trâu được 8 vạn con, đàn bò 1 vạn con, lợn tổng số 58 vạn con (trong đó lợn nái 7 vạn con, lợn tập thể 17 vạn con, lợn lai kinh tế 20 vạn con) sản lượng thịt hơi phấn đấu 23 000 tấn. Đàn gia cầm 5 triệu con, trong đó vịt mái đẻ 15 vạn con và 15 triệu quả trứng.

— Đàn ong mật 2 000 đàn, trong đó quốc doanh 1 000 đàn, sản lượng mật 35 tấn.

Đề đạt được mục tiêu về chăn nuôi kể trên cần chú ý coi trọng chỉ đạo các HTX phát triển chăn nuôi lợn cái, vịt mái đẻ cung cấp đủ giống có chất lượng tốt cho nuôi thịt. Kien toàn mạng lưới dẫn tinh viên và sản xuất tốt tinh dịch lợn ngoại để tăng nhanh đàn lợn lai nuôi thịt nhằm đạt mức tăng trọng cao, có trọng lượng xuất chuồng lớn. Thực hiện tốt các chính sách của Hội đồng Chính phủ về

khuyến khích phát triển chăn nuôi và Nghị quyết 14—NQ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (giành đủ 15% đất canh tác, và tổ chức tốt việc sản xuất, chế biến, quản lý, để có đủ thực ăn tốt cung cấp cho chăn nuôi phát triển). Chú ý củng cố và xây dựng kiên toàn hệ thống thú y và thú thuốc thú y các cấp từ tỉnh xuống hợp tác xã; thực hiện việc nuôi dưỡng tốt, đảm bảo vệ sinh; xây dựng quy ước phòng dịch và tiêm phòng triệt để nhằm chủ động phòng chống dịch bệnh bảo vệ tốt đàn gia súc, gia cầm ở tất cả các khu vực chăn nuôi trong tỉnh.

8. Để làm tốt những việc trên thì một biện pháp rất quan trọng có tính chất bao trùm là: Hải Hưng phải nhanh chóng đưa công tác quản lý kỹ thuật ở các cơ sở hợp tác xã nông nghiệp vào nề nếp, với mục tiêu cơ bản là phải làm sao cho tất cả các hợp tác xã đều phải sản xuất đúng quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật đã được tỉnh ban hành; các loại công việc đều phải có định mức kinh tế—kỹ thuật; phải có chế độ giao việc rõ ràng và nghiêm thu kỷ thuật chặt chẽ.

Đó cũng chính là những nhiệm vụ cơ bản của Tiểu ban kỹ thuật ở các hợp tác xã nông nghiệp mà trong thời gian tới Hải Hưng phải cố gắng xây dựng để Tiểu ban này tập hợp được đội ngũ cán bộ kỹ thuật ở cơ sở giúp Ban quản trị hợp tác xã trong việc điều hành công tác quản lý kỹ thuật (với các nhiệm vụ như đã nêu trên).

Làm tốt 8 biện pháp cơ bản đó, chúng tôi tin tưởng nông nghiệp Hải Hưng sẽ có những bước tiến hơn nữa, góp phần cùng cả nước giải quyết vấn đề lương thực của toàn xã hội.

VIỆC TỔNG HỢP CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH...

(Tiếp theo trang 17)

+ Báo cáo tổng hợp của chương trình; trong đó có sự đánh giá toàn diện về tài nguyên và điều kiện thiên nhiên vùng điều tra, nêu những kiến nghị chung về phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và điều kiện thiên nhiên của toàn vùng hoặc một số khu vực trọng điểm của vùng;

+ Các tài liệu điều tra cơ bản về từng vấn đề chuyên ngành, về từng dạng tài nguyên và điều kiện thiên nhiên của lãnh thổ nghiên cứu; trong đó có sự đánh giá và kiến nghị khai thác, sử dụng các tài liệu đó.

+ Các báo cáo riêng tổng quan, chuyên ngành, chuyên đề phục vụ địa phương trong lãnh thổ nghiên cứu;

+ Với các thể mạnh mũi nhọn, các vùng trọng điểm cũng nên có những báo cáo chuyên đề hoặc nêu được phương án cụ thể nếu điều kiện cho phép;

+ Báo cáo tổng kết về bài học rút ra trong quá trình hoạt động của chương trình; trong việc tổ chức chương trình, xây dựng kế hoạch điều hòa, triển khai v.v...

Kết quả của mỗi chương trình phụ thuộc vào quá trình triển khai, song sự hoạt động của ban chủ nhiệm các chương trình, ban tổng hợp trong giai đoạn tổng kết này có tầm quan trọng đặc biệt; vì chúng tôi cho rằng, hơn lúc nào hết, hiện nay chúng ta có điều kiện tốt nhất móc nối các kết quả điều tra nghiên cứu với nhau; và chúng ta đang cố gắng tiếp cận tới phương pháp tối ưu của một chương trình điều tra tổng hợp.

Cuối cùng, chúng tôi thấy các chương trình cần cố gắng tổng kết gọn trong năm 1980. Việc kéo dài tổng kết sang đầu năm 1981 sẽ vấp phải những khó khăn trong việc bảo đảm các nhu cầu, nhất là về kinh phí.